

PHỤ LỤC 8: BẢNG QUY ĐỔI CHUẨN TRÌNH ĐỘ NGOẠI NGỮ

Chuẩn CEFR	Chuẩn Việt Nam	IELTS	Cambridge English	TOEFL iBT	TOEIC	
					(Nghe + đọc)	(Nói + Viết)
B1	3	4.0	PET (60-79)	-31	226-315	161-180
		4.0-4.5	PET (80-100)	32-34	316-400	181-200
		4.5-5.0	FCE (60-74)	35-45	401-475	201-220
		5.0-5.5	FCE (75-89)	46-59	476-550	221-240
B2	4	5.5-6.0	FCE (90-100)	60-78	551-670	241-270
		6.0-6.5	CAE (60-74)	79-93	671-785	271-310
C1	5	6.5-7.0	CAE (75-89)	94-101	786-885	311-350
		7.0-8.0	CAE (90-100)	102-114	886-945	351-400
C2	6	8.0-8.5	CPE (60-79)	115-117		
		8.5-9.0	CPE (80-100)	118-120		

*** Ghi chú:**

- Chứng chỉ IELTS (International English Language Testing System) do Đại học Cambridge (University of Cambridge), Hội đồng Anh (British Council) và Tổ chức giáo dục (IDP) của Úc tổ chức thi và cấp.

- Chứng chỉ TOEIC (Test of English for International Communication) và chứng chỉ TOEFL (Test of English as a Foreign Language) do Viện Khảo thí Giáo dục Hoa kỳ (Educational Testing Service - ETS) tổ chức thi và cấp.

- Chứng chỉ TOEFL iBT do Viện Khảo thí về giáo dục của Mỹ tổ chức thi và cấp.

- Chứng chỉ Cambridge ESOL do Trường Đại học Cambridge tổ chức thi và cấp.

❖ MỘT SỐ NGOẠI NGỮ KHÁC

Chuẩn CEFR	Tiếng Pháp			Tiếng Trung		Tiếng Đức	Tiếng Nhật	Tiếng Hàn
	DELFS	TCF	TEF	HSK	TOCFL			
B1	DELF B1	TCF3 (300-399)	TEF3 (361-540)	HSK 3	TOCFL3	B1 ZD	JLPT N4	Topik II – level 3
B2	DELF B2	TCF4 (400-499)	TEF4 (541-698)	HSK 4	TOCFL4	B2 test DaF level 4	JLPT N3	Topik II – level 4
C1	DALF C1	TCF5 (500-599)	TEF5 (699-833)	HSK 5	TOCFL5		JLPT N2	Topik II – level 5

Chuẩn CEFR	Tiếng Pháp			Tiếng Trung		Tiếng Đức	Tiếng Nhật	Tiếng Hàn
	DELF	TCF	TEF	HSK	TOCFL			
C2	DALF C2	TCF6 (600-699)	TEF6 (834-900)	HSK 6	TOCFL6		JLPT N1	Topik II – level 6

*** Ghi chú:**

- Chứng chỉ DELF (Diplôme d'Etudes en Langue Française), DALF (Diplôme Aprofondi de Langue Française) do Trung tâm Nghiên cứu Sư phạm Quốc Tế Sèvres - Pháp (Centre International d'Etudes Pédagogiques de Sèvres) tổ chức thi và cấp.

- Chứng chỉ TCF (Test de Connaissance du Français) do Trung tâm Nghiên cứu Sư phạm Quốc Tế Sèvres - Pháp (Centre International d'Etudes Pédagogiques de Sèvres) tổ chức thi và cấp.

- Chứng chỉ TEF (Test d'Evaluation de Français) do CCIP (Chambre d'Industrie et de Commerce de Paris) tổ chức thi và cấp.

- Chứng nhận năng lực ngoại ngữ tiếng Pháp (theo khung tham chiếu Châu Âu) do các cơ sở giáo dục đại học, viện, trung tâm có thẩm quyền tổ chức thi và cấp.

- Chứng chỉ HSK (Hanyu Shuiping Kaoshi): Chứng chỉ Hán Ngữ quốc tế do Văn phòng Hán ngữ Trung Quốc tổ chức thi và cấp.

- Chứng chỉ TOCFL (Test Of Chinese as a Foreign Language) - Chứng chỉ Hoa ngữ Quốc gia do Bộ Giáo dục Đài Loan tổ chức thi và cấp.

- Đối với tiếng Đức, tiếng Nhật và tiếng Hàn: Chứng chỉ do các tổ chức khảo thí ngoại ngữ quốc tế tổ chức thi và cấp.